TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 206/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Lũy

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về: "Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1996, cư trú ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Văn G, sinh năm 1995, cư trú ấp P, xã X, huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 06) bản tự khai (bút lục số 12) thì chị Nguyễn Thị Thúy K khai nhận: Chị với anh G thành vợ, chồng vào tháng 11 năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 18/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, anh G thường xuyên nhậu nhẹt, mắng chửi chị, chung sống đến tháng 7 năm 2019 chị phải ra đi sinh sống tại tỉnh Bình Dương để sinh đẻ và ly thân kể từ

đây; con chung có 01 đứa tên Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 05-7-2019 đang sống với chị; về tài sản và nợ phải thu, phải trả không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh G.

- Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Huỳnh Văn G đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó không hòa giải được, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì bà nội của anh là Trình Thị M khai nhận (bút lục số 09): Hiện nay anh G và cha mẹ của anh G đều làm công tại tỉnh Bình Dương. Trước khi đi thì Giang sống tại nhà của bà, gần đây bà ra chơi, sau đó anh G chở bà về nhà bà chơi khoảng 01 ngày thì anh G tiếp tục trở lại tỉnh Bình Dương. Anh G và chị K thành vợ, chồng vào khoảng tháng 11 năm 2018 âm lịch, có đăng ký kết hôn, sống được 01 thời gian thì chị K sinh con và trở về nhà cha, mẹ ruột sống và ly thân kể từ đây. Bà biết vợ chồng anh G, chị K không có tài sản và nợ nần, chỉ có 01 đứa con tên Huỳnh Thị Kim H đang sống với K. Bà biết anh G sẽ không đồng ý chung sống lại, do đó tùy Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh G vắng mặt xét xử lần thứ hai cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị K và anh G đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt (anh G vắng mặt không lý do, chị K có đơn yêu cầu vắng mặt), vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[1.2] Anh G đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[1.3] Chị K có đơn yêu cầu vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị K với anh G thành vợ, chồng vào năm 218, có đăng ký kết hôn. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 18 tháng 12 năm 2018, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp. Như vậy hôn nhân của anh, chị hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Chị K và anh G chung sống thời gian rất ngắn khoảng 01 năm và ly thân đến nay. Riêng anh G đã được triệu tập hoà giải lần thứ hai vẫn vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì bà nội của anh là Trình Thị M khai nhận (bút lục số 09): Hiện nay anh G và cha mẹ của anh G đều làm công tại tỉnh Bình Dương. Trước khi đi thì G sống tại nhà của bà, gần đây bà ra chơi, sau đó anh G chở bà về nhà bà chơi khoản 01 ngày thì anh G tiếp tục trở lại tỉnh Bình Dương. Anh G và chị K thành vợ, chồng vào khoảng tháng 11 năm 2018 âm lịch, có đăng ký kết hôn, sống được 01 thời gian thì chị K sinh con và trở về nhà cha, mẹ ruột sống và ly thân kể từ đây. Bà biết vợ chồng anh G, chị K không có tài sản và nợ nần, chỉ có 01 đứa con tên Huỳnh Thị Kim H đang sống với K. Bà biết anh G sẽ không đồng ý chung sống lại, do đó tùy Tòa án giải quyết theo pháp luật .Từ đó cho thấy hạnh phúc của anh, chị không còn và qua 02 lần triệu tập nhằm mục đích động viên hàn gắn chung sống lại nhưng anh G đều vắng mặt, cho thấy tình cảm thật sự không còn. Để tạo điều kiện cho chị K yên tâm về mặt tinh thần, tập trung trong đời sống, lao động, sản xuất, có điều kiện nuôi dạy con, vì vậy chấp nhận việc chị K xin ly hôn với anh G theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 con tên: Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 05-7-2019, sống với chị K. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu đều sống với chị K, hơn nữa là cháu gái và dưới 36 tháng tuổi, vì vậy cần phải có sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ, do đó giao cháu H cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân – gia đình. Đáng lẽ anh G phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định, nhưng chị K tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị K khai không có. Nếu sau nầy anh G chứng minh được vợ, chồng chị có tài sản chung thì anh có quyền khởi kiện ở vụ kiện khác để chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[2.4] Về quan hệ nợ phải thu: Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.5] Về quqan hệ nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị K và anh G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.6] Về án phí DSST: Chị K phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 55; khoản 1, Điều 56; các khoản 1, 3, Điều 81; các khoản 1, 3, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với anh Huỳnh Văn G. Giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã T không còn giá trị pháp lý.

- Chị Nguyễn Thị Thúy K được tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên: Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 05-7-2018. Công nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được quyền ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh G đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006272, ngày 18-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị K và anh G có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Dũng